

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày 09-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu
Ông Phan Trí Phăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 09/5/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2019/TLST- HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Lưu Trường T (tên gọi khác: Cu Tư); sinh ngày 11/6/2001, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn D, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1970; bị cáo có 03 anh em, người lớn nhất sinh năm 1995, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 35/2019/HS-ST ngày 26/7/2019 Lưu Trường T bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 07 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa chấp hành bản án trên.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Trường T:

Luật sư Vương Quốc Q, sinh năm 1972 – Văn phòng luật sư Quốc Vương, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Địa chỉ: Phú Riềng Đỏ, khu tái định cư phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Bị hại: Anh Phạm Văn T1 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại.

1. Ông Phạm Xuân B; sinh năm: 1964 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn Hương Giang, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người được người đại diện hợp pháp của bị hại ủy quyền:

1. Ông Phạm Văn N; sinh năm: 1950 (đã chết)

2. Ông Phạm Văn B1; sinh năm: 1960 (có mặt)

Cùng nơi cư trú tại: Thôn Hưng Bình, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu Văn D; sinh năm: 1969 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H; sinh năm: 1970 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn 4, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh ủy quyền cho ông Dương S (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, thôn Võ Đông, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Duy T2; sinh năm: 2000 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Nhon Hội, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Anh Nguyễn Ngọc N; sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đray Sáp, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: Tổ 1, khu phố Tân Trà 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Anh Hồ Trọng K (tên gọi khác: Trọng); sinh năm: 1988. (xin vắng)

Địa chỉ: Buôn Wiao A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T1liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Thị Th, sinh năm 2001 và Hoàng Thanh T4, sinh năm 2000 cùng cư trú tại thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước thuê phòng trọ số 7, nhà trọ của bà Phạm Thị D sinh năm 1959 thuộc khu phố Tân Trà 1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình. Đến đầu khoảng tháng 6/2019 Th, T4 cho bạn là Lưu Trường T sinh ngày 11/6/2019 đến ở chung phòng. Ngày 16/6/2019 Th, T4 cùng về nhà tại xã B và giao lại chìa khóa phòng số 7 cho T giữ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T ra đường đón xe về tỉnh Khánh Hòa thì gặp 02 người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch), T quen biết khi làm thuê tại tỉnh Khánh Hòa cũng đang đón xe về quê. Do không đón được xe nên 02 người đàn ông xin T cho ngủ nhờ phòng trọ qua đêm, T đồng ý và dẫn 02 người về phòng trọ số 7 ở. Đến khoảng 22 giờ, Đậu Tâm T5 sinh năm 1996 ở cùng khu trọ với Th và T4 đi đến phòng của Th để mượn xe thì thấy 02 người đàn ông ở trong phòng nên T5 gọi

điện thoại nói cho Th biết thì Th nhờ T5 đuổi 02 người đàn ông ra khỏi phòng nhưng T5 không đồng ý. Lúc này, Th gọi điện thoại nói sự việc cho bạn là Phạm Văn T1, sinh năm 1998 biết và nhờ đuổi 02 người đàn ông trên. Nghe vậy, T1 đi đến phòng trọ của Th, T1 gặp T và yêu cầu T đuổi 02 người đàn ông đi. T nói với 02 người đàn ông “đi kiếm chỗ khác ngủ” thì 02 người đàn ông bỏ đi.

Sau khi 02 người đàn ông bỏ đi, T1 nói với T “mày lớn rồi, làm gì thì phải nghĩ cho người khác”, T đứng trước cửa phòng số 7 to tiếng với T1 thì T1 bước đến cửa phòng số 7, dùng tay tát một cái vào vùng mặt, làm T té ngã và bên trong phòng trọ số 7. T đứng dậy thì bị T1 dùng tay đánh liên tiếp khoảng 3 – 4 cái vào người T. Lúc này, T nhìn thấy 01 con dao cán vàng ở nền nhà nên T nhặt dao lên cầm trên tay phải và hô “anh T1” mục đích để T1 thấy không đánh T nữa. Thấy vậy, T1 xông đến dùng tay trái giữ cổ tay phải cầm dao của T và gối phải thúc 01 cái vào bụng T, đồng thời dùng tay phải cầm cổ tay trái của T, lúc này hai bên giằng co qua lại với nhau thì T1 bị dao đâm trúng vào cánh tay trái gây thương tích. T1 tiếp tục dùng gối phải thúc vào bụng T 01 cái. Trong khi đang giằng co qua lại thì tay trái của T1 bị tuột nên lưỡi dao gây ra vết thương đứt da ở lòng bàn tay. Lúc này T chuyển dao từ tay phải sang tay trái, thì T1 tiếp tục dùng hai tay giữ hai tay của T đẩy qua lại nhau, do T1 bị thương ở cánh tay trái và xước da ở lòng bàn tay nên sự chống đỡ của T1 yếu, nên T dùng lực đẩy mạnh con dao về phía vùng bụng T1. Sau khi bị đâm, T1 tay trái ôm cổ T đi ra ngoài phòng trọ, lúc này T1 được mọi người đưa đến Phòng khám đa khoa Tâm Đức sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước cấp cứu đến ngày 17/6/2017 thì T1 tử vong.

Sau khi đâm T1, T lấy ba lô rồi cầm dao đi ra đường đón xe ôm, khi đi đến khu vực ngã tư Đồng Xoài thuộc khu phố Tân Đồng 1, phường T, thành phố Đ thì T vứt dao tại miệng cống thoát nước (quá trình điều tra đã truy lùng nhưng không thấy) rồi đón xe khách về tỉnh Khánh Hòa. Đến ngày 17/6/2019, T được người nhà đưa đến Công an huyện D, tỉnh Khánh Hòa đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên.

Kết luận giám định:

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 186/2019/GDPY ngày 19/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Nguyên nhân chết: Phạm Văn T1, sinh năm 1998 bị vết thương thấu bụng do vật sắc nhọn bản mỏng có một lưỡi cắt; nạn nhân tử vong do sốc mất máu cấp không phục hồi dẫn đến tử vong.

Kết luận khác: không

Tại bản kết luận giám định pháp y về AND số 202/2019/TC-AND ngày 07/8/2019 của Viện pháp y quốc gia kết luận:

Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên que tăm bông (thu vết màu nâu đỏ ở vị trí số 1 tại hiện trường), quần, áo của Lưu Trường T dương tính.

AND thu từ mẫu que tắm bông (thu vết màu nâu đỏ ở vị trí số 1 hiện trường) và áo của Lưu Trường T trùng với AND của Phạm Văn T1.

AND thu từ quần, áo của Lưu Trường T trùng với AND của Lưu Trường T.

Tại bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 242/2019/HS ngày 25/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: Con dao (vật chứng giám định hoặc con dao có đặc điểm tương tự như con dao giám định) khi tác động vào cơ thể bằng phần mũi và lưỡi sắc dao có thể gây ra được vết thương vùng bụng (có tổn thương nội tạng) và vết thương vùng cánh tay trái của Phạm Văn T1.

Tại bản kết luận số 19/2019/GĐKTTHS ngày 04/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

Không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung của tập tin video gửi giám định.

Trích xuất thành 52 (năm mươi hai) tập tin hình ảnh thể hiện diễn biến hành vi của người mặc áo đen trên ngực trái có hình màu trắng, quần dài màu đen ống xoắn giữa cẳng chân và người mặc áo đen, quần đen ở phòng đối diện xuất hiện trong tập tin video ký hiệu A trong khoảng thời gian từ 22 giờ 37 phút ngày 16/6/2019 đến 22 giờ 40 phút ngày 16/6/2019 (theo thời gian camera ghi lại).

Không đủ cơ sở để chuyển đổi giọng nói thành nội dung văn bản của đoạn hội thoại giữa người mặc áo đen trên ngực trái có hình màu trắng, quần dài màu đen ống xoắn giữa cẳng chân và người mặc áo đen, quần đen ở phòng đối diện trong tập tin video gửi giám định ký hiệu A.

Tại Cáo trạng số 41/CTr-VKS-P1 ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước và tại phiên tòa truy tố bị cáo Lưu Trường T về tội giết người theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo cho rằng hành vi của mình là phòng vệ chính đáng bởi vì bị cáo không có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại. Bị cáo khi nhặt được con dao lên đã cảnh báo nhưng bị hại vẫn giành giật con dao khi cả hai cùng giằng co bị cáo không biết đã đâm trúng bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng, không phạm tội. Không đồng ý bồi thường 180 triệu đồng cho bị hại. Đối với số tiền 20 triệu đồng đã khắc phục bị cáo không yêu cầu gia đình bị hại trả lại.

- Đại diện của hợp pháp của người bị hại:

Qua xem camera tại phiên tòa tôi nhận thấy hành vi của bị cáo sau khi đâm T1 (con tôi), bị cáo cầm dao quay vòng vòng trên tay sau đó chỉ về phía T1 chứng tỏ bị cáo không hoảng loạn, thể hiện tính côn đồ, hung hãn. Do vậy, việc bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phòng vệ chính

đáng, không phạm tội là không đúng sự thật khách quan vụ án. Thống nhất theo quan điểm của Viện kiểm sát đã công bố.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng chi phí là 180 triệu đồng (không tính 20 triệu đồng đã đưa) gồm: tiền viện phí, chi phí mai táng, tổn thất tinh thần.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo theo đúng quy định pháp luật.

- Đại diện viện kiểm sát tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 123, các điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 11 – 12 năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 07 tháng của bản án số 35/2019/HSST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Về thủ tục tố tụng không có ý kiến. Về tội danh và hình phạt mà Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thì không đồng ý vì bị cáo T là người được ở hợp pháp tại phòng trọ, được quyền quyết định việc cho người khác về phòng ngủ. Xét về ngoại hình bị hại luôn lẫn át bị cáo, nếu bị cáo muốn tước đoạt tính mạng của bị hại thì bị hại không thể tiếp cận được bị cáo vì trong tay bị cáo cầm dao. Trong quá trình cả hai cùng giằng co bị cáo cầm dao còn bị hại cầm tay bị cáo nên không thể coi bị cáo dùng dao đâm bị hại. Bị hại đâm liên tiếp vào đầu, mạn sườn, ngực, bụng của bị cáo, chính bị cáo không biết gây thương tích cho bị hại trong phòng hay ngoài phòng, khi bị hại cởi áo ra thì bị cáo mới biết bị hại bị đâm trúng điều này phù hợp với Biên bản thực nghiệm điều tra. Do vậy cáo trạng truy tố là không phù hợp, việc truy tố chưa đánh giá hết hành vi của bị cáo. Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo là hành vi phòng vệ chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng, không phạm tội trả tự do bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T1liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lưu Trường T thừa nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng số 41/CTr-VKS-P1 ngày 06/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: *Ngày 16/6/2019, Lý Thị Th và Hoàng Thanh T4 giao chìa khóa phòng trọ cho Lưu Trường T để đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì T đón xe khách về Khánh Hòa thì gặp 02 người đàn ông T quen từ trước cùng bắt xe về chung. Do không bắt xe về được, T đã dẫn 02 người đàn ông về phòng ngủ. Biết T dẫn người lạ vào phòng ngủ nên Th đã gọi điện nhờ T1 đến để đuổi hai người đàn ông trên đi. Khi hai người đàn ông trên đi thì giữa T và T1 xảy ra mâu thuẫn, T1 dùng tay tát vào mặt, thúc gối vào bụng T, T nhặt được 01 con dao và đâm trúng vào bụng T1 làm T1 tử vong.*

Tuy nhiên, bị cáo cho rằng: Hành vi bị cáo dùng dao đâm bị hại là không cố ý tước đi sinh mạng bị hại, do bị hại đánh bị cáo và trong quá trình giằng co thì dao mới đâm trúng nên hành vi của bị cáo là phòng vệ chính đáng.

Quan điểm Luật sư bào chữa cho bị cáo: Bị cáo T là người được ở hợp pháp tại phòng trọ, được quyền quyết định việc cho người khác về phòng ngủ việc bị hại đuổi hai người ở phòng trọ của T và tấn công bị cáo T là đã xâm phạm quyền tự do và sức khỏe bị cáo. Khi bị cáo cầm dao bị cáo T đã cảnh báo nhưng bị hại vẫn tấn công và trong lúc xô xát mới bị thương dẫn đến mất mạng, lời khai về thực hiện hành vi của bị cáo phù hợp với Biên bản thực nghiệm điều tra nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng.

Xét thấy, việc bị hại cản trở không cho bị cáo T để hai người lạ ở lại phòng là do có sự cậy nhờ của chị Lý Thị Th người thuê phòng trọ và cho T ở nhờ. Hơn nữa trong thời gian cầm đi khỏi nơi cư trú (do bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”) nhưng bị cáo T vẫn rời khỏi địa phương chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật và khi ở nhờ phòng trọ của Th bị cáo T cũng không báo cho chủ nhà trọ biết để đăng ký tạm trú, tạm vắng nên việc cư trú của bị cáo T không hợp pháp và việc T cho hai người lạ không rõ lai lịch ở lại phòng cũng không hợp pháp, ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu nhà trọ. Do vậy, người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị hại xâm phạm quyền tự do của bị cáo là không có căn cứ.

Qua xem xét camera (gắn tại khu nhà trọ) được trình chiếu tại phiên tòa và các lời khai của nhân chứng thì việc bị hại đánh bị cáo là do giữa bị cáo và bị hại tranh cãi với nhau dẫn đến xô xát. Tại phiên tòa bị cáo xác định việc bị hại tấn công đánh bị cáo là để cảnh cáo, không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng và cũng thừa nhận cái chết

của bị hại là do bị cáo thực hiện. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với các lời khai khi bị cáo tự thú (Bút lục: 101 đến 107), biên bản hỏi cung bị can ngày 28/6/2019 (BL 118) T khai “*tôi đâm T1 hai nhát, nhát đầu tiên tôi cầm dao bằng tay phải đâm từ trên xuống trúng vào tay bên trái của T1, nhát thứ hai tôi dùng tay trái đâm thẳng vào vùng bụng của T1. Cả hai nhát tôi đâm T1 đều ở trong phòng trọ số 7 ngay gần cửa sổ*”, lời khai bị cáo có luật sư tham gia (Bút lục: từ 120 đến 123) các lời khai này phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định pháp y cũng như lời khai các nhân chứng và trích xuất camera tại hiện trường xảy ra vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc bị cáo dùng dao đâm người bị hại trong quá trình giằng co lấy con dao trên tay bị cáo dẫn đến hậu quả người bị hại chết là hành vi xâm hại đến tính mạng của bị hại không phải là hành vi phòng vệ chính đáng như bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày. Mặc khác, qua xem xét Biên bản thực nghiệm điều tra thấy rằng khi thực nghiệm lại hành vi phạm tội thì trước đó bị cáo đã thay đổi lời khai (Bút lục: 110-111). Do vậy việc thực nghiệm về mặt pháp lý thì hợp pháp, nhưng nội dung thực nghiệm theo ý chí chủ quan của bị cáo khi đã có mục đích thay đổi lời khai nên không phù hợp với các tình tiết định tội khách quan khác trong vụ án. Hơn nữa, việc định tội đối với bị cáo phải dựa trên toàn bộ các tình tiết có giá trị pháp lý, phù hợp sự thật khách quan trong vụ án. Nên quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo về tình tiết này không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo phạm tội giết người theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền được sống của người bị hại Phạm Văn T1, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nơi xảy ra vụ án. Mặc khác, trước khi phạm tội “Giết người” ngày 06/11/2018, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong thời gian điều tra, truy tố, xét xử bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo không chấp hành vẫn vào Bình Phước thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng. Mặt khác, tại phiên hôm nay cũng như các phiên tòa trước bị cáo quanh co chối tội gây khó khăn cho công tác xét xử. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người thiếu ý thức chấp hành pháp luật, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm mới tương xứng, phù hợp hành vi phạm tội của bị cáo và để trừng trị, răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lưu Trường T vừa đủ 18 tuổi; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cũng có một phần lỗi của người bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, sau khi gây án đã ra đầu thú, có tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả là 20.000.000 đồng chi phí mai táng cho gia đình bị hại đây là

những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được xem xét khi lượng hình.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng chi phí là 180.000.000 đồng (không tính 20.000.000 đồng đã khắc phục trước) gồm: tiền viện phí, chi phí mai táng, tổn thất tin thần. Xét thấy yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của bị hại là phù hợp. Mặc dù, bị cáo không đồng ý bồi thường vì cho rằng mình không phạm tội nhưng tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ tuyên buộc bị cáo phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, buộc bị cáo Lưu Trường T phải bồi thường thiệt hại là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo khắc phục cho gia đình người bị hại, tại phiên tòa cha mẹ bị cáo ông Lưu Văn D, bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu bị cáo trả lại; bị cáo cũng không yêu cầu gia đình bị hại trả lại số tiền này không đặt ra xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được thu giữ được xử lý theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lưu Trường T: Không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử không được chấp nhận.

[7] Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Lưu Trường T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lưu Trường T phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lưu Trường T 12 (Mười hai) năm tù.

Căn cứ theo Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt của Bản án số 35/2019/HSST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện D xử phạt Lưu Trường T 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 (Mười hai) năm 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2019.

3. Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586 và Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lưu Trường T phải bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Đối với số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo khắc phục cho gia đình người bị hại không yêu cầu giải quyết, bị cáo không yêu cầu gia đình bị hại trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 con dao (dạng dao thái lan), hiệu KIWWI BRAND, dài 21,5cm, cán nhựa màu vàng, lưỡi dao kim loại dạng một lưỡi sắc, mũi nhọn dài 11.4cm, rộng nhất 1,9cm, mũi dao có vết cong vênh (thu tại hiện trường, không phải là con dao gây án); 01 áo sơ mi bằng vải tay dài màu đen hiệu Vip.Men; 01 quần vải dài màu đen hiệu BYBBSTSBIDOAN SABER; 01 đôi dép bằng nhựa màu trắng xanh có chữ NIKE VS Adidas.

Trả lại cho bà Phạm Thị D gồm 01 thẻ nhớ hiệu SanDisk Ultra màu trắng, xám dung lượng 16GB.

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lưu Trường T phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lưu Trường T phải chịu 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lưu Trường T, những người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- CQĐT, PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an T. Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án-Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng